

UBND XÃ BÌNH TUYÊN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 566/CV - QLDA
V/v niêm yết công khai phương
án bồi thường, hỗ trợ, tái định
cư trên cổng thông tin của
UBND xã Bình Tuyên

Bình Tuyên, ngày 01 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Phòng Văn hóa - Xã hội xã Bình Tuyên.

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Điểm b, Khoản 9, Điều 3, Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH15 quy định “*Thời hạn niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã là 10 ngày. Thời hạn tổ chức đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là không quá 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”.

Để đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Ban quản lý dự án xã đề nghị Phòng Văn hóa – Xã hội đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, GPMB dự án sau:

Dự án: Khu TĐC xứ đồng Táp Lô, thôn Gia Khau phục vụ GPMB hạ tầng giao thông kết nối vùng Thủ đô trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) (Tuyến đường vành đai 5 – vùng thủ đô và đoạn tuyến ven chân núi Tam Đảo, kết nối đường vành đai 5 với QL2B đến Tây Thiên, đi QL2C và Tuyên Quang).

Địa điểm thực hiện: Thôn Gia Khau, xã Bình Tuyên, tỉnh Phú Thọ.

(Các phương án bồi thường, GPMB kèm theo)

Ban quản lý dự án đề nghị Văn phòng HĐND-UBND quan tâm phối hợp./. ✓

Nơi nhận:

- Như kg;
- UBND xã (B/c);
- Lưu: VT,QLDA.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Huy Trường

BIỂU 02: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB ĐẤT NÔNG NGHIỆP QUỸ I, ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÔNG CÓ GIẤY TỜ VẼ QSD ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (THU HỒI TỪ 10% ĐẾN DƯỚI 20% DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐANG SỬ DỤNG)

DỰ ÁN: KHU TĐC XỨ ĐỒNG TẬP LỘ, THÔN GIA KHAU PHỤC VỤ GPMB HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG KẾT NỐI VÙNG THỦ ĐỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH PHÚC (CỦ) (TUYÊN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 5 - VÙNG THỦ ĐỘ VÀ ĐOẠN TUYÊN VÊN CHÂN NÚI TAM ĐẢO, KẾT NỐI ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 5 VỚI QL2B ĐẾN TÂY THIÊN, ĐI QL2C VÀ TUYÊN QUANG

ĐỊA ĐIỂM: THÔN GIA KHAU - XÃ BÌNH TUYÊN - TỈNH PHÚ THỌ

Thông tin hồ sơ địa chính										Thông tin theo mảnh trích đo địa chính thu hồi và giao đất				Diện tích thu hồi (m ²)										DVT: đồng			
S TT	Tên chủ sự dụng đất	SỐ CCCD	Số từ	Số thửa	DT (m ²)	Xứ đồng	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Số từ	Số thửa	DT (m ²)	Tổng DT	Trong chi giới	Ngoài chi giới	Trong đó				Số khẩu	Tổng DT đang sử dụng	Tỷ lệ % DTTH	Bồi thường, hỗ trợ về đất: (LUC, LUK, HNK) 95.000đ/m ² ;	Bồi thường hoa màu 12.333đ/m ²	Hỗ trợ CDN 475.000đ/m ²	Hỗ trợ ăn định dời sống theo nhân khẩu: 30*16,00 0*5 =1.920.000đ/kh âu	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ	
															Quy I	Thửa	Thiếu	Đất không có giấy tờ về QSD đất									
TỔNG CỘNG					226,0						213,0	213,0	213,0	0,0	213,0	0,0	13,0	0,0		1.353,1	15,7%	20.235.000	2.626.929	101.175.000	23.040.000	147.076.929	
																									</		

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI RÀ SOÁT

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Tâm

Nguyễn Trọng Tuấn

Phí Thị Thanh Huyền

Nguyễn Huy Trường



BIỂU 01: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB ĐẤT NÔNG NGHIỆP QUY 1, ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÔNG CÓ GIẤY TỜ VỀ QSD ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (THU HỒI DƯỚI 10% DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐANG SỬ DỤNG)
(CỦ) (TUYÊN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 5 - VÙNG THỦ ĐÔ VÀ ĐOẠN TUYÊN VÊN CHÂN NÚI TAM ĐẢO, KẾT NỐI ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 5 VỚI QL2B ĐẾN TÂY THIÊN, ĐI QL2C VÀ TUYẾN QUANG

ĐỊA ĐIỂM: THÔN GIA KHAU - XÃ BÌNH TUYÊN - TỈNH PHÚ THỌ

Thông tin hồ sơ địa chính										Thông tin theo mảnh trích đo địa chính thu hồi và giao đất				Diện tích thu hồi (m2)										DVT: đồng			
S TT	Tên chủ đất	Số sơ đồ CCC D	Số tờ	Số thửa	DT (m2)	Xử đồng	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Số tờ	Số thửa	DT (m2)	Tổng DT	Trong chi giới	Ngoài chi giới	Trong đó				Số khẩu	Tổng DT đang sử dụng	Tỷ lệ % DTTH	Bồi thường, hỗ trợ về đất: (LUC, LUC, HNK) 95.000đ/m2;	Bồi thường hoa màu 12.333đ/m2	Hỗ trợ CDN 475.000đ/m2	Hỗ trợ ổn định đời sống theo nhân khẩu: 30*16.000*3= 1.440.000đ/khẩu	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ	
															Quy I	Thửa	Thiếu	Đất không có giấy tờ về QSD đất									
1	Chu Đức Hải (Mân)	0260 5800 0810	9	47	120,0	Rau Xanh	LUC	Đất được nhà nước giao QSD đất	71	234	135,2	135,2	9,9	125,3	120,0	15,2			7	5.901,5	2,3%	12.844.000	1.667.422	64.220.000	10.080.000	88.811.421,6	
2	Trần Văn Hải (Thú)	0260 6301 2718	9	52	192,0	Tạp Lỗ	LUC	Đất được nhà nước giao QSD đất	71	360	248,3	248,3	248,3	-	192,0	56,3			6	11.762,6	2,1%	23.588.500	3.062.284	117.942.500	8.640.000	153.233.283,9	
3	Lưu Thị Tư (Châu Hùng)	0261 7402 2621	9	51	168,0	Tạp Lỗ	LUC	Đất được nhà nước giao QSD đất	71	397	174,6	174,6	174,6	-	168,0	6,6			3	5.508,2	3,2%	16.587.000	2.153.342	82.935.000	4.320.000	105.995.341,8	
4	Lâm Thị Xuân (Thảo)	0261 6301 0643	9	31 ^e	480,0	Rau Xanh	LUC	Đất được nhà nước giao QSD đất	71	232	569,0	6,8	6,8	-	6,8				4	5.888,7	0,1%	646.000	83.864	3.220.000	5.760.000	9.719.864,4	
5	Lưu Tiến Dũng (Sáu)	0260 3200 0917	9	61 ^e	313,0	Tạp Lỗ	LUC	Đất được nhà nước giao QSD đất	71	399	407,7	407,7	407,7	-	313,0	94,7	-		8	11.422,2	3,6%	38.731.500	5.028.164	193.657.500	11.520.000	248.937.164,1	
6	Trần Thị Sáu (Dếp Văn Sáu)	0261 6801 0650	3	81 th	178,0	Tạp Lỗ	LUC	Đất được nhà nước giao QSD đất	71	361	141,1	141,1	141,1	-	141,1	36,9			3	3.077,7	4,6%	13.404.500	1.740.186	67.022.500	4.320.000	86.487.186,3	
7	Nguyễn Thị Mai (Vân)	0011 6204 3478	3	36 ^e	120,0	Rau Xanh	LUC	Đất được nhà nước giao QSD đất	71	279	165,9	165,9	95,0	70,9	120,0	45,9	-		4	13.978,5	1,2%	15.760.500	2.046.045	78.802.500	5.760.000	102.369.044,7	
8	Dương Đức Thành - Vòng (Quang Minh đề ché)	0260 6300 9473	3	36 ^e	672,0	Rau Xanh	LUC	Đất được nhà nước giao QSD đất	71	315	594,2	130,1	130,1	-	130,1	541,9			9	38.286,2	0,3%	12.359.500	1.604.523	61.797.500	12.960.000	88.721.523,3	



9	Chu Văn Năm (Thủ)	0260 6700 2828	9	83°	168.0	Tập Lô	LƯC	được nhà nước giao QSD đất	71	435	360.0	360.0	360.0	360.0	-	360.0	192.0		6	14.705,8	2,4%		4.439.880	171.000.000	8.640.000	184.079.880
10	Lưu Minh Yên (Lưu Thái Nguyên)	0260 7600 4604	11	83°	324,2	Tập Lô	LƯC	Đất được nhà nước giao QSD đất	71	436	269,4	269,4	269,4	269,4		269,4	54,8		3	12.314,8	7,4%	25.593.000	3.322.510	127.965.000	4.320.000	161.200.510,2
			71	281	645,6	Tập Lô	LƯC	Đất được nhà nước cấp GCN QSD đất	71	281	645,6	645,6	580,5	65,1				645,6				61.332.000	7.962.185	306.660.000		375.954.184,8
11	Trần Văn Tâm (Trần Kim Minh)	0260 8000 1892	3	49°	240,0	Rau Xanh	LƯC	Đất được nhà nước giao QSD đất	71	359	321,9	321,9	321,9	321,9	-	209,1	112,8					30.580.500	3.969.993	152.902.500	11.520.000	198.972.992,7
										280²	10,1	10,1	10,1	-	10,1				8	19.787,5	1,8%	959.500	124.563	4.797.500		5.881.563,3
										396²	11,9	11,9	11,9	-	11,9							1.130.500	146.763	5.652.500		6.929.762,7
										197²	8,9	8,9	8,9	-	8,9							845.500	109.764	4.227.500		5.182.765,7
12	Tô Văn Hiệp - Mai (Tô Văn Tèo)	0261 7401 3093	9	83	54,0	Tập Lô	LƯC	Đất được nhà nước giao QSD đất	71	437	118,3	118,3	118,3		-	54,0	64,3		3	2.248,7	5,3%	11.238.500	1.458.994	56.192.500	4.320.000	73.209.993,9
13	Lưu Văn Thiệp - Lý Thị Đào	0261 5600 8520	71	282	584,2	Tập Lô	LƯC	Đất được nhà nước cấp GCN QSD đất	71	282¹	584,2	268,3	268,3		-			268,3	5	12.614,3	2,1%	25.488.500	3.308.944	127.442.500	7.200.000	163.239.993,9
14	Đặng Quý Phong	0261 6201 1005	71	398	70,6	Tập Lô	LƯC	Đất được nhà nước cấp GCN QSD đất	71	398	70,6	70,6	70,6	-	-			70,6	2	6.869,5	1,0%	6.707.000	870.710	33.535.000	2.880.000	43.992.709,8
15	Trần Thị Sinh	0261 5000 1067	71	357	189,5	Tập Lô	LƯC	Đất được nhà nước cấp GCN QSD đất	71	357	189,5	189,5	98,3	91,2				189,5	6	5.106,8	3,7%	18.002.500	2.337.104	90.012.500	8.640.000	118.992.103,5
TỔNG CỘNG					4.519,1				-		5.026,4	3.684,2	3.331,7	352,5	2.114,4	587,8	633,6	1.174,0				315.799.000,0	45.437.238,6	1.769.993.000,0	110.880.000,0	2.222.111.238,6

Nguyễn Ngọc Tâm

Nguyễn Trọng Tuấn

Phi Thi Thanh Huyền

45.437.298,6	ĐÌNH
149.095.000,0	
110.880.000	